

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HIỆP  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28/4/2022

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

2. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/4/2022 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị **Thái Thị Ngọc Q**, sinh năm: 1997 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

**\* Bị đơn:** Anh **Lê Xuân C**, sinh năm: 1996 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Thái Thị Ngọc Q trình bày:** Tôi và anh Lê Xuân C chung sống với nhau vào tháng 5 năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên đi chơi, còn thiếu nợ từ đó vợ chồng có lời qua tiếng lại anh C không có trách nhiệm với vợ con, tôi

có khuyên anh C nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi, từ đó vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn lại được. Vợ chồng không sống với nhau từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay, không ai liên lạc với ai. Hiện nay tôi đang làm nghề tóc tại Sài Gòn chung với anh trai tôi.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Ngọc H – sinh ngày 06/9/2018. Cháu H đã có giấy khai sinh hiện nay đang sống với anh C và gia đình anh C.

- Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: không có.

***Tại phiên tòa chị Q yêu cầu:***

- Về quan hệ hôn nhân: chị Q yêu cầu được ly hôn với anh Lê Xuân C.

- Về quan hệ con chung: chị Q yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* **Bị đơn anh Lê Xuân C trình bày:** Qua lời trình bày của cô Thái Thị Ngọc Q về năm vợ chồng chung sống, có đăng ký kết hôn, có 01 người con chung, không có nợ chung và không có tài sản chung là đúng, còn nguyên nhân mâu thuẫn thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chỉ là mâu thuẫn giữa vợ tôi và cha mẹ tôi, còn việc vợ tôi nói trước đây tôi có ăn chơi nợ nần riêng là có. Vợ chồng không sống với nhau từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Hiện nay tôi đang làm nghề sơn nước trang trí nội thất. Từ khi hai vợ chồng không sống chung với nhau đến nay thì tôi nuôi cháu H và cháu vẫn phát triển bình thường.

Tại phiên tòa anh C yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: tôi đồng ý ly hôn với cô Thái Thị Ngọc Q.

- Về quan hệ con chung: tôi xin được nuôi cháu H, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu ý kiến:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Thái Thị Ngọc Q và anh Lê Xuân C. Về quan hệ con chung: giao cháu Lê Thị Ngọc H – sinh ngày 06/9/2018 cho anh C nuôi dưỡng, chị Q không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải

quyết nên không xem xét. Về án phí: chị Q phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh C là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 104 ngày 29/5/2018 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Q cho thấy trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng nhau chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống, không quan tâm đến nhau, chị Q và anh C đã không sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả và tại phiên tòa chị Q vẫn giữ nguyên quyết định xin được ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Q và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Q xin được ly hôn và anh C cũng đồng ý nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Q và anh C là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: chị Q và anh C xác nhận anh chị có 01 người con chung tên Lê Thị Ngọc H – sinh ngày 06/9/2018.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “*vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Xét yêu cầu của chị Q và anh C đều xin được nuôi cháu H. Hội đồng xét xử xét thấy qua lời trình bày của chị Q và anh C về điều kiện nuôi con chung thì cả chị Q và anh C đều đủ khả năng đảm bảo việc nuôi con chung. Tuy nhiên, hiện nay cháu H đang sống với anh C tại gia đình anh C, cháu vẫn phát triển bình thường và chị Q, anh C đều thừa nhận từ khi sinh cháu H thì chị Q và anh C đều sống chung tại gia đình anh C. Mặt khác hiện nay cháu H còn nhỏ để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, tránh xáo trộn môi trường sống ảnh hưởng sự phát triển về mặt tâm sinh lý của cháu. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được nuôi cháu H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh C.

Tiếp tục giao cháu Lê Thị Ngọc H – sinh ngày 06/9/2018 cho anh Chơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị Q và anh C xác nhận anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở chấp nhận theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí HNST: Buộc chị Q phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Thái Thị Ngọc Q và anh Lê Xuân C.

**2. Về con chung:** Giao cháu Lê Thị Ngọc H – sinh ngày 06/9/2018 cho anh Lê Xuân C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Thái Thị Ngọc Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

**3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Buộc chị Thái Thị Ngọc Q phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006164 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Ngọc Ái**